

## MỘT SỐ Ý KIẾN VỀ QUẢN LÝ VÀ CẢI TẠO MÔI TRƯỜNG CHO VÙNG NUÔI TÔM TẬP TRUNG

**ThS. Phạm Thị Anh**  
**Khoa Công Nghệ và Quản Lý Môi Trường - ĐHDL Văn Lang**

### TÓM TẮT

Phát triển nuôi trồng thủy sản (NTTS) là chiến lược quốc gia trong chương trình phát triển kinh tế- xã hội của Việt Nam. Bên cạnh các lợi ích ngành NTTS đem lại thì cũng nảy sinh nhiều vấn đề về môi trường và sinh thái. Qua hơn 13 năm thực hiện pháp lệnh Bảo vệ và phát triển nguồn lợi thủy sản, trong bối cảnh hoà nhập với quốc tế, Việt Nam cần có những chuyển biến trong qui hoạch, quản lý và chiến lược phát triển thích hợp cho ngành thủy sản. Các vùng nuôi trồng thủy sản tập trung nhất thiết phải được nghiên cứu và thực hiện theo hướng phát triển sinh thái bền vững.

### GIỚI THIỆU CHUNG

Chương trình phát triển nuôi trồng thủy sản thời kỳ 1999-2010 được Thủ Tướng Chính Phủ phê duyệt theo quyết định số 224 TTg ngày 8/12/1999 thực sự đã góp phần thúc đẩy ngành thủy sản phát triển nhanh và hiệu quả. Trong đó, nuôi tôm nước lợ chiếm thị phần lớn. Điều này có thể được so sánh qua một vài con số trình bày trong Bảng 1.

**Bảng 1** Diện tích và sản lượng nuôi tôm qua các năm trước và sau 1999

Năm	Diện tích nuôi tôm nước lợ (1000 ha)	Sản lượng nuôi tôm (1000 tấn)
1998	205	52
1999	207	53
2000	253	104
2002	446	159
2003	470	200

*Nguồn:* Tạp chí thủy sản 4/2002 và Báo cáo tổng kết ngành thủy sản 2003.

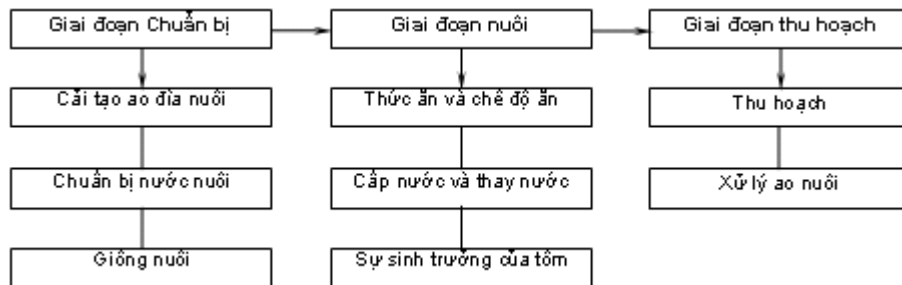
Thời gian qua, nuôi trồng thủy sản (NTTS) ven biển đã có vị trí hết sức quan trọng trong việc cung cấp nguyên liệu cho chế biến thủy sản xuất khẩu, đóng góp một phần đáng kể vào tăng trưởng kinh tế ngành thủy sản nói riêng và kinh tế đất nước nói chung, cũng như tạo sinh kế và xoá đói giảm nghèo cho các cộng đồng nông thôn. Bên cạnh lợi ích kinh tế, các hoạt động NTTS ven biển cũng làm nảy sinh nhiều vấn đề môi trường.

Nhìn từ góc độ môi trường, hoạt động nuôi trồng thủy sản ven biển vừa là "nạn nhân" vừa là "thủ phạm", vì nó rất nhạy cảm với các tác động môi trường từ bên ngoài vùng ven biển và bản thân cũng gây ra không ít tác động cho môi trường xung quanh và sức khỏe cộng đồng.

Trên thực tế, quá trình triển khai các hoạt động sản xuất nuôi trồng thủy sản thường trải qua nhiều khâu, từ qui hoạch phát triển đến thiết kế một vùng nuôi tập trung và xây dựng một ao nuôi cụ thể, từ khâu sản xuất giống để nuôi đến khâu chế biến và cung cấp thức ăn, từ khâu chăm sóc và quản lý ao nuôi đến khâu thu hoạch và bảo quản sau thu hoạch (hình 1) ... Tương ứng với các khâu như vậy thường nảy sinh các vấn đề môi trường khác nhau và gây ra các tác động xấu trước mắt cũng như lâu dài (hình 2). Vì vậy để ổn định sản xuất, một nhiệm vụ mang tính chiến lược của ngành thủy sản trong thời gian tới là phải phát triển NTTS hợp lý và bền vững.

Tính hợp lý và bền vững trong nuôi trồng thủy sản được hiểu là tăng sản lượng, hiệu quả kinh tế xã hội, góp phần xoá đói giảm nghèo, vệ sinh an toàn thực phẩm, an toàn sinh thái và bảo vệ nguồn lợi thủy sản.

Tuy nhiên, làm thế nào để đạt được mục tiêu phát triển NTTS hợp lý và bền vững về môi trường vẫn còn là câu hỏi luôn được đặt ra cho các nhà hoạch định chiến lược, các nhà quản lý, các nhà khoa học ngành thủy sản, ngành môi trường và các ngành có liên quan.



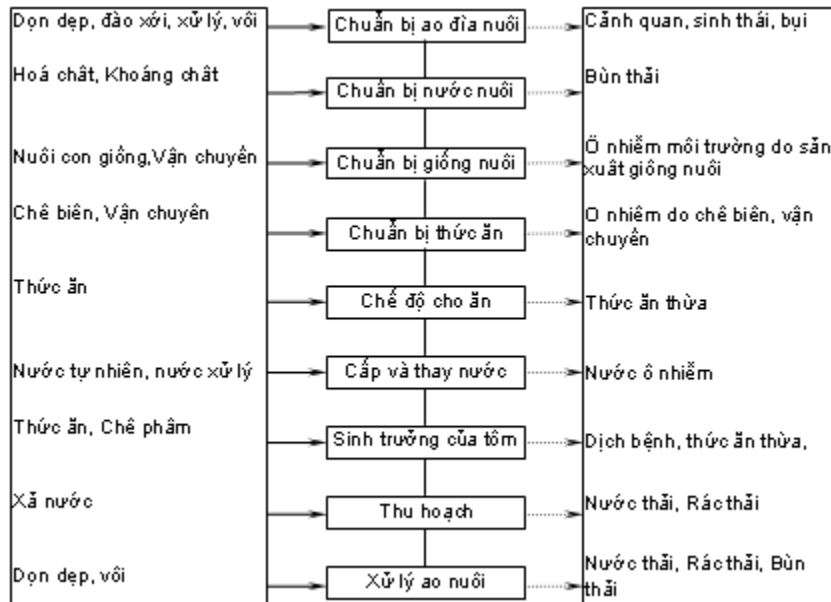
Hình 1: Sơ đồ chung về các giai đoạn trong một vụ nuôi tôm.

### CÁC VẤN ĐỀ MÔI TRƯỜNG CHỦ YẾU TRONG NUÔI TRỒNG THỦY SẢN

Có khoảng 20 loại hệ sinh thái nhiệt đới khác nhau tập trung ở vùng ven biển nước ta. Chúng được xem là cơ sở đầu vào để duy trì và phát triển NTTS bền vững. Cũng trong vùng này tập trung khá nhiều các hoạt động phát triển của các ngành khác như công nghiệp, khai thác dầu khí, du lịch, cảng-hàng hải, đô thị hóa và nông nghiệp ven biển,... Bên cạnh các lợi ích thu được vùng này đang bị biến đổi theo chiều hướng xấu: đa dạng sinh học bị suy giảm, nước ở một số khu vực bị ô nhiễm, các nơi cư trú tự nhiên của các loài bị thu hẹp, xói lở bờ biển tăng lên và chức năng của nhiều đoạn bờ biển bị thay đổi.

Có thể nêu một số vấn đề môi trường nảy sinh trong hoạt động nuôi trồng thủy sản ven biển ở nước ta như sau:

- Công tác qui hoạch NTTS được làm chưa đầy đủ, việc đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng vẫn còn quá thấp so với nhu cầu, chưa quan tâm nhiều đến việc xử lý chất thải trong NTTS. Cũng vì thiếu qui hoạch nên nuôi trồng thủy sản ven biển được phát triển tự phát và ồ ạt, qui mô và phương thức nuôi cũng rất đa dạng, chủ yếu vẫn là nuôi quảng canh, quảng canh cải tiến, chú trọng mở rộng diện tích nên đã đẩy môi trường vào tình trạng khắc nghiệt hơn về mặt sinh thái, tăng nguy cơ gây bệnh cho thủy sản nuôi.
- Việc chuyển dịch cơ cấu từ trồng lúa kém hiệu quả sang nuôi tôm ở vùng ven biển có thể kéo theo sự thay đổi môi trường đất và nước từ ngọt sang mặn và quá trình này thường dễ dàng diễn ra nhanh chóng. Trong khi đó việc đưa môi trường trở lại trạng thái ban đầu lại hết sức tốn kém và đòi hỏi nhiều thời gian. Nhiều hộ nuôi tôm không chủ động nguồn nước nuôi, chưa có khái niệm về kiểm soát môi trường và dịch bệnh, thậm chí nước thải từ ao bị nhiễm bệnh lại là nguồn cấp vào ao khác nên đã phát tán mầm bệnh.
- Một số ao nuôi sử dụng khá nhiều hoá chất tẩy rửa ao, xử lý nguồn nước như: vôi,  $KMnO_4$ ,  $CuSO_4$ ,... các loại thức ăn công nghiệp, thức ăn tươi, làm tăng lượng chất thải trong ao nuôi. Bên cạnh chất thải hữu cơ dễ phân huỷ, cũng bắt đầu xuất hiện dư lượng hoá chất và mật độ các loài vi sinh vật gây hại khá cao. Khi kết thúc vụ nuôi, một khối lượng lớn bùn ao không qua xử lý được thải ra ngoài là nguồn ô nhiễm tiềm tàng cho các khu vực nuôi xung quanh.



Hình 2

- Rừng ngập mặn là nơi sinh sản, sinh trưởng của nhiều loại động vật thuỷ sinh, trong đó có nhiều loại có giá trị kinh tế cao như: tôm, cua, cá, sò... Mấy năm qua, tại một số địa phương đã phá rừng ngập mặn để làm ruộng nuôi tôm. Mặc dù có đem lại lợi ích, nhưng đây chỉ là những lợi ích nhỏ trước mắt, về lâu dài phong trào này đã làm mất đi nguồn dinh dưỡng tự nhiên, làm cho nguồn lợi sinh vật giảm đi rõ rệt. Sau 3 đến 5 năm, các ruộng nuôi tôm cá này cũng hết dinh dưỡng, môi trường biến đổi không thích hợp với điều kiện sống của tôm, cá nên năng suất giảm rất nhanh. Theo kinh nghiệm và kết quả nghiên cứu ở trong và ngoài nước, diện tích sử dụng để nuôi tôm cá chỉ được phép chiếm dưới 20% diện tích rừng ngập mặn trong từng khu vực (Bộ Thủy sản).
- Hệ thống thuỷ lợi cung cấp nước sạch và xử lý nước thải còn rất khiêm tốn, kể cả các khu nuôi bán thâm canh và thâm canh. Tỷ lệ diện tích ao chứa, lắng và xử lý nước thải quá thấp, chỉ bằng từ 5-7% diện tích nuôi, trong khi đó ở các nước trong khu vực, tỷ lệ này từ 25-30%, thậm chí có khi đến 40%.
- Cung cấp thức ăn cho tôm: Mặc dù diện tích nuôi tôm theo phương thức bán thâm canh và thâm canh (sử dụng thức ăn tổng hợp) hiện nay ở Việt Nam mới chiếm từ 7-10% tổng diện tích, song công suất chế biến thức ăn tổng hợp cho nuôi tôm của cả nước hiện có cũng chỉ đáp ứng được khoảng 15-20% nhu cầu, số còn lại phải nhập từ nhiều nước trên thế giới, ngoài ra phần lớn thuốc và hoá chất phục vụ cho nuôi tôm hiện nay đều nhập từ nước ngoài. Các hàng nhập không những làm gia tăng giá thành sản phẩm mà quan trọng hơn đó là việc quản lý, kiểm soát sử dụng.
- Sự bùng nổ các dịch bệnh về tôm: qua nhiều năm nghề nuôi tôm liên tục giành thắng lợi, từ cuối năm 1993 hiện tượng tôm bị chết đã bắt đầu xuất hiện ở một số địa phương và sau đó lan rộng ở nhiều tỉnh thành, gây thiệt hại lớn đến hộ nuôi.

Quản lý môi trường trong nuôi trồng thuỷ sản là việc làm cần thiết góp phần làm gia tăng sản lượng đồng thời làm giảm đến mức thấp nhất những ảnh hưởng xấu tới các nguồn lợi thuỷ sản khác. Những vấn đề cấp bách để quản lý môi trường trong nuôi trồng thuỷ sản ở nước ta đã được thảo luận tại nhiều hội nghị và đi đến thống nhất là: cần có qui hoạch tổng thể NTTS trong cả nước, biện pháp quản lý môi trường tại các vùng nước ngọt, vùng triều, vùng biển và trong các kế hoạch phát triển nuôi trồng thuỷ sản.

Luật thủy sản được Quốc Hội Nước Cộng Hoà Xã Hội Chủ Nghĩa Việt Nam, Khoá XI, kỳ họp thứ 4 (từ ngày 21/10 /2003 đến 26/11/2003) đã thông qua quy định về các hoạt động thủy sản. Luật thủy sản có 10 chương, 62 điều, trong đó có 4 chương mới so với Pháp lệnh (5//5/1989) về "Bảo vệ và phát triển nguồn lợi thủy sản" là Chương III (khai thác thủy sản), chương IV (Nuôi trồng thủy sản), chương V (tàu cá và cơ sở dịch vụ hoạt động thủy sản), chương VI (chế biến, mua bán, xuất khẩu, nhập khẩu thủy sản).

Luật thủy sản có hiệu lực thi hành từ ngày 1/7/2004. Hiện nay, Bộ Thủy sản đang phối hợp với các cơ quan có liên quan gấp rút xây dựng, hoàn thiện các văn bản qui định chi tiết hướng dẫn thi hành luật, trình Chính Phủ xem xét, ban hành và tổ chức phổ biến, tuyên truyền giáo dục sâu rộng để nhanh chóng đưa luật vào cuộc sống.

### **LÀM GÌ ĐỂ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG TRONG NTTS VEN BIỂN**

Nhìn nhận vấn đề hiện nay về nuôi trồng thủy sản, tổ chức FAO có nhận định: hiện nay chỉ có một số nước có những chính sách và luật lệ thích hợp trong phát triển nuôi trồng thủy sản. Một trong những nguyên nhân này là do những nhà làm chính sách thường đặt vấn đề nuôi trồng thủy sản tách biệt với các ngành khác, vì vậy mà bỏ qua những sự liên kết quan trọng khác. Thiếu sự kết hợp chặt chẽ giữa các chính sách về kinh tế, xã hội, môi trường và luật pháp, đặc biệt là khi nói về các hậu quả tiêu cực. Gần đây với sự phát triển mạnh mẽ của việc nuôi trồng thủy sản bán thâm canh và thâm canh, NTTS tập trung đòi hỏi phải có chính sách và qui định cụ thể cho nhiều mức độ khác nhau: hộ nuôi, vùng, quốc gia, khu vực và toàn cầu nhằm tạo sự phát triển NTTS bền vững. Cần xây dựng một điều luật toàn diện nhằm phát triển công nghiệp NTTS, bảo vệ môi trường, bảo vệ người sử dụng và tiêu thụ.

Đối với các vùng nuôi tôm tập trung, có thể được xem xét như một quần thể công nghiệp trong một hệ sinh thái công nghiệp. Nếu không có kế hoạch trong qui hoạch và quản lý thích hợp, các vùng nuôi tập trung có thể sẽ trở thành vấn nạn cho môi trường và cho xã hội. Nhưng nếu có qui hoạch và quản lý hợp lý thì các vùng nuôi tôm tập trung sẽ đem lại nhiều hiệu quả và lợi ích về mặt kinh tế và môi trường.

Hiện nay vấn đề về nghiên cứu qui hoạch vùng nuôi tôm tập trung thích hợp chỉ đang được phát động và thực hiện. Chưa có một nghiên cứu nào cụ thể về các vấn đề môi trường và các tác động do NTTS gây ra, trên cơ sở phân tích sơ đồ nhân quả, phân tích chu trình sản phẩm, cân bằng vật chất trong quá trình NTTS. Trên cơ sở đó có thể đề xuất được hướng qui hoạch hợp lý cho vùng nuôi trồng thủy sản tập trung theo hướng phát triển sinh thái ổn định và bền vững.

### **TÀI LIỆU THAM KHẢO**

1. Bộ Thủy Sản, tạp chí thủy sản số 4/2002, 12/2003
2. Bộ Thủy Sản, Báo cáo tổng kết tình hình thực hiện nhiệm vụ 2003 và các chỉ tiêu giải pháp thực hiện kế hoạch phát triển kinh tế xã hội năm 2004 của ngành thủy sản, 1/2004
3. Bộ Thủy Sản, báo cáo tình hình thực hiện nhiệm vụ kế hoạch năm 2001, chỉ tiêu, biện pháp thực hiện kế hoạch phát triển kinh tế xã hội năm 2002 của ngành thủy sản, 12/2001
4. Bộ Thủy Sản, Định hướng phát triển và chuyển dịch cơ cấu, khai thác, nuôi trồng, chế biến và xuất khẩu thủy sản ở Đồng bằng sông Cửu Long, 7/2001
5. Viện kinh tế và qui hoạch thủy sản, Tóm tắt qui hoạch tổng thể phát triển kinh tế xã hội ngành thủy sản đến năm 2010, Bộ thủy sản, 12/2001.
6. UNDP, UNDP's Handbook and Guidelines for environmental management and sustainable development, 2002